

Bình Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thị xã Thuận An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2014/ND-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 – 2020) tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 837/TTr-STNMT ngày 31/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thị xã Thuận An. Cụ thể như sau:

1. Diện tích phân bổ các loại đất trong năm 2020 (*Đính kèm phụ lục 1*).
2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2020
  - a) Diện tích thu hồi đất năm 2020 (*Đính kèm phụ lục 2*).
  - b) Danh mục công trình thu hồi đất năm 2020 (*Đính kèm phụ lục 2a*).
  - c) Vị trí các khu thu hồi đất được xác định theo bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Thuận An tỷ lệ 1/10.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Thuận An.
3. Kế chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020
  - a) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (*Đính kèm phụ lục 3*).
  - b) Danh mục công trình chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 (*Đính kèm phụ lục 3a*).



c) Vị trí các khu đất chuyên mục đích sử dụng đất được xác định theo bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Thuận An tỷ lệ 1/10.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Thuận An.

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất:

a) Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

b) Thực hiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

c) Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý đất đai.

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu lực về tổ chức quản lý nhà nước về đất đai; quy định cụ thể trách nhiệm của từng ngành trong tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất; giám sát môi trường trong quá trình triển khai kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo cho sử dụng đất bền vững.

2. Triển khai các chính sách hỗ trợ:

a) Chính sách về đất đai: Phải áp dụng đồng bộ các chính sách về đất đai như: giao đất, cho thuê đất, thuế sử dụng đất và các khoản thu từ đất.

b) Chính sách về khoa học và công nghệ: Quan tâm, hỗ trợ người sử dụng đất trong việc đổi mới công nghệ, thiết bị hiện đại để phục vụ cho quá trình sản xuất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu tiến bộ xã hội.

c) Huy động tổng hợp các biện pháp nhằm thu hút đầu tư và huy động vốn với một số giải pháp thu cụ thể sát với tình hình thực tế của địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An; Thủ trưởng các ban ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Website tỉnh;
- LĐVP (Lg, Th), Tn, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KI. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



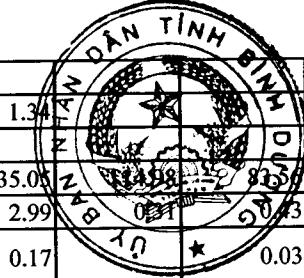
Mai Hưng Dũng

**PHỤ LỤC 1: DIỆN TÍCH PHÂN BỐ CÁC LOẠI ĐẤT TRONG NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 4089/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính									
				Phường An Phú	Phường An Thạnh	Phường Bình Chuẩn	Phường Bình Hoà	Phường Bình Nhâm	Phường Hung Định	Phường Lái Thiêu	Phường Thuận Giao	Phường Vĩnh Phú	Xã An Sơn
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) ...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
			8,371.18	1,092.51	746.89	1,131.55	1,411.17	542.52	286.57	788.75884	1,140.78	653.12	577.315
1	Đất nông nghiệp	NNP	2,554.61	145.63	376.44	342.355	173.05888	300.04	127.37	157.76884	353.94889	229.78	348.215
1.1	Đất trồng lúa	LUA											
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	717.14832	81.96	103.86	132.38	68.57444	20.155	16.25	37.63444	184.67444	58.1	13.56
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1,833.43	63.67	271.56	209.975	103.33	279.745	111.04	120.1344	169.27444	170.96	333.74
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.829444		1.02		0.954444	0.14	0.08			0.72	0.915
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NHK	0.2				0.2						
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,816.58	946.88	370.45	789.195	1,238.11	242.48	159.2	630.99	786.83	423.34	229.1
2.1	Đất quốc phòng	CQP	344.26			20.97	321.85				1.39		0.05
2.2	Đất an ninh	CAN	3.47	0.23	0.2	0	0.78	0	0	2.11		0.15	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	635.05	183.3			338.61				113.14		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	101		31.41	69.59							
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	108.115	7.1	3.21	2.325	18.82	2.54	1.71	17.61	35.98	18.82	0
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	961.26	258.2	18.39	224.315	115.28	7.26	21.69	58.04	172.43	53.23	32.425
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tinh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,152.06	158.89	108.08	118.25	144.9	59.1	33.2	237.37	152.96	90.91	48.395
2.1	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3.16					0.23			2.93		



PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ THUẬN AN

(Kèm theo Quyết định số: 4089/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương)

*Đơn vị tính: ha*

**PHỤ LỤC 2a: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ THUẬN AN**

(Kèm theo Quyết định số: HĐ 100/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương)

STT	HẠNG MỤC	Mã QL	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí, Số tờ, Số thửa				
			Điều kiện tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất						
<b>A Công trình chuyên tiếp</b>										
<b>I Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh</b>										
<b>II Công trình, dự án phải thông qua HĐND cấp tỉnh</b>										
1	Trường Tiểu học Lê Thị Trung	DGD	0.78	0.78	ODT+CLN	Bình Chuẩn Thửa đất số 36, 1797, 297, 72, 1665, 1791, 73, 1529, 1530, 1860, 1720, 1721, 1796, 781, 37, 39, 235, 6, 7002, 238, 305, 1794, 3001, 491 tờ bản đồ số DC 152, 151, 10.13				
2	Trường Tiểu học Hưng Lộc	DGD	1.17	1.17	CLN+NTD	Hưng Định Thửa 45, 483; tờ DC4 (B3)				
3	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 743 (Đoạn từ Miếu Ông Cù - nút giao thông Sóng Thần)	DGT	5.78	8.66	CLN+ODT+CQP	An Phú, Bình Chuẩn, Bình Hoà diện tích bồi thường và hỗ trợ là 7.8 (đất quốc phòng đưa vào thu hồi là 8.66 (hiện trạng là đường))				
4	Đường Thuận Giao 25	DGT	0.25	0.25	CLN+ODT	Thuận Giao Từ Thuận Giao 21 đến đường Thuận An Hoà				
5	Đường PKV 21A (Đường vào Trung tâm VH-TDTT)	DGT	0.63	0.63	CLN	Lái Thiêu				
6	Cải tạo, mở rộng quốc lộ 13 (doan từ cổng chào Vĩnh Phú đến điểm giao với đường Lê Hồng Phong và mở rộng các nút giao)	DGT	3.02	3.02	CLN	An thanh, Bình Hòa, Hưng Định, Lái Thiêu, Thuận Giao, Vĩnh Phú				
7	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 63-64 (Đoạn từ Thủ Khoa Huân đến Hồ Văn Mện)	DGT	3.57	3.57	CLN	An Thạnh				
8	Đầu tư mở rộng tuyến đường ranh Lái Thiêu - Bình Nhâm (nối với đường ven sông Sài Gòn)	DGT	0.53	0.53	CLN	Lái Thiêu, Bình Nhâm				
9	Nâng cấp, mở rộng đường nhà thờ Lái Thiêu (Nâng cấp, mở rộng đường Bình Đức)	DGT	0.27	0.27	CLN	Lái Thiêu				
10	Xây dựng mới đường Hưng Định 15	DGT	3.18	3.18	CLN+ODT	Hưng Định				
11	Bồi thường GPMB cho dự án xây dựng mới đường D4, N4 (đường vào Trường tiểu học Thuận Giao 2)	DGT	1.33	1.33	CLN+ODT	Thuận Giao Thửa đất số 411, 2032, 1080, 967, 972, 1342, 174, 141, 1139, 144, 141, Tờ bản đồ số 131, 133				
12	Công trình đường dây 110kV 2 mạch từ TBA 220kV Bình Hoà đến TBA 110kV Gò Đậu	DNL	0.25	0.25	CLN	Bình Hoà, Thuận Giao				
13	Tuyến ống thoát nước thải và 5 trạm bơm trong hành lang an toàn Công trình Đường dây 220KV Tân Uyên - Thuận An	DTL	0.8	0.8	SKC+CLN	An Phú Đoạn từ Mỳ Phước - Tân Vạn đến đường ĐT743				
14	Bồi thường, Giải phóng mặt bằng (bổ sung) cho dự án Khu trung tâm chính trị - hành chính tập trung thị xã Thuận An (trước đây là Trung văn hóa Thuận An)	TSC	0.2	0.2	CLN	Lái Thiêu Tờ ĐC10				
15	Khu tái định cư Đông Nhì	ODT	1.3	1.3	CLN	Lái Thiêu Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 31				
16	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 51 (đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Thạnh Bình)	DGT	0.99	0.99	CLN+ODT	An Thạnh				
17	Xây dựng tuyến đường Lái Thiêu PKV09	DGT	0.37	0.37	CLN+ODT	Lái Thiêu				
18	Xây dựng mới đường D5 (đường Thuận Giao 10 nối dài)	DGT	0.93	0.93	CLN+ODT	Thuận Giao				
19	Xây dựng mới hệ thống thoát nước hạ lưu đường Lê Thị Trung	DGT	3.75	3.75	CLN+ODT	Bình Chuẩn Đang tuyển				

20	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước- Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	DGT	0.1	CLN+ODT	An Phú	CT dạng tuyến	
21	Trục thoát nước Bung Biped, Suối Cát	DGT	4	CLN	An Thạnh	Từ cầu trăng đến rạch Bà Lụa	
22	Công trình TBA 110KV Bình Thuận và đường dây đấu nối	DGT	0.4	CLN	An Phú	Dạng tuyến	
23	Công trình Bồi thường GPMB cho dự án xây dựng mới công viên An Thạnh và kè rạch Búng	DGT	0.64	CLN, ODT	An Thạnh	Đoạn từ đường Đồ Chiểu đến Cầu Bà Hai	
24	Nâng cấp mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường đài liệt sĩ Tân Phước Khánh	DGT	9.7	9.7	CLN	Bình Chuẩn, TX. Thuận An và Tân Phước Khánh, TX. Tân Uyên	
<b>B Công trình đăng ký mới năm 2020</b>						Dạng tuyến	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Trịnh Hoài Đức	DGT	1.2006	1.2006	CLN, ODT	An Thạnh	Dạng tuyến
2	Xây dựng mới đường An Thạnh 24.	DGT	3.0625	3.0625	CLN, ODT	An Thạnh	Dạng tuyến
3	Xây dựng mới đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	DGT	1.0968	1.0968	CLN, ODT	An Thạnh	Dạng tuyến
4	Giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	DTL	21,26	21,26	CLN	An Thạnh, Bình Chuẩn, Thuận Giao	Dạng tuyến
5	Xây dựng cống qua đường hố Văn Mén trên kênh suối con thuộc dự án trục thoát nước Bung Biped- Suối Cát	DTL	0.14	0.14	An Thạnh	Dạng tuyến	
6	Xây dựng khu tái định cư An Thạnh, thị xã Thuận An	ODT	7,2	7,2	CLN, ODT	An Thạnh	thửa 45,72,73,374,94,137,516,159,140,835,481,158,247,283,245,246, 224,223,155,156,157,140,139,93,75,74,43,42,41,76,92,91,141,157,156, 155,76,92,91,141,77,38,78,90,143,142,145,147,154,152,153,225,227,2 26,228,244,243,230,231,229,532,531,151,530,529,225,153,152,154,14 7,145,144,89,88,81,80,79,355,36,37,31,34,33,32,82,83,84,87,86,146,1 45,147,154,152,153,225,148,149,85,514,9001 tờ dc12
7	Bồi thường GPMB cho dự án trường Tiểu học Lái Thiêu 2	DGD	1.43	1.43	NTD, ODT, HNK	Lái Thiêu	thửa 515,516,517,518,385,519 514,512 tờ bản đồ số 19(3)
8	Bồi thường GPMB cho dự án trường Mẫu giáo Hoa Cúc 2	DGD	0.4	0.4	CLN, ODT, DGD	Bình Nhâm	thửa 530,705,516,529 tờ bản đồ số 5
9	Trụ sở UBND phường An Thạnh	TSC	0,19	0,19	HNK, ODT	An Thạnh	thửa 40,789,1291 tờ bản đồ số 5

**PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DÙNG ĐẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ THUẬN AN**  
(Kèm theo Quyết định số: 408/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương)

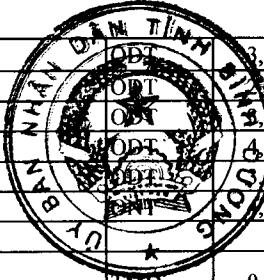
*Đơn vị tính: ha*

**PHỤ LỤC 3a: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ THUẬN AN**  
**(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 31 / 12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương)**

STT	HẠNG MỤC	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí, Số tờ, Số thửa	
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
	Công trình chuyên mục đích						
1	Công trình chuyên tiếp						
1	Khu dân cư Phú Quang do Công ty Phú Quang làm chủ đầu tư	ODT	15,00	15,00	CLN	Vĩnh Phú	
2	KDC An Phú do Công ty Cổ phần phát triển địa ốc An Phú làm chủ Đầu tư	ODT	3,82	1,45	CLN	An Phú	
3	Khu nhà ở thương mại Bình Thuận do Công ty U&I làm chủ đầu tư	ODT	5,87	5,87	CLN	Thuận Giao	
4	Khu nhà ở Hòa Lân 2 do Công ty cổ phần BDS Thái Bình Dương làm chủ đầu tư	ODT	0,68	0,68	CLN	Thuận Giao	
5	Khu thương mại và căn hộ cao tầng Splus do Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư STC làm chủ đầu tư	ODT	0,33	0,33	Vĩnh Phú	thửa đất số 179 tờ bản đồ số 2, thửa đất số 321 tờ bản đồ số B2 (DC2), thửa đất số 581 tờ bản đồ số 53	
6	Khu dân cư và thương mại Bình Quới	ODT	34,00	25,90	8,10	CLN	Bình Chuẩn
7	Khu nhà ở An Phú do Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ ăn uống Hoàng Danh làm chủ đầu tư	ODT	5,50	5,50	SKC	An Phú	Thửa đất số 711, tờ bản đồ DC 102
8	Khu nhà ở Cửu Long do Công ty TM DV ăn uống Hoàng Danh làm chủ đầu tư	ODT	1,38	1,38	HNK	Lái Thiêu	Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 31
9	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương ( Dự án khu dân cư - đô thị - dịch vụ Hòa Long)	ODT	0,97	0,97	SKC	An Thạnh	
10	Khách sạn Melia Bình Dương	TMD	0,32	0,32	CLN	Thuận Giao	
11	Công trình tạo quỹ đất sạch tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu	DHT	0,13	0,13	NTD	Lái Thiêu	Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 8
12	Khu nhà ở Bình Chuẩn do Công ty Cổ phần kinh doanh Bất động sản Toàn Thắng làm chủ đầu tư	ODT	0,71	0,71	Bình Chuẩn		
13	Nhà máy sản xuất (Công ty Cổ phần Trần Đức)	SKC	4,28	4,28	ODT+CLN	An Phú	
14	Di dời nhà kho tại khu dân cư Vĩnh Phú II (mở rộng) của Công ty TNHH TMDV Tân Hiệp Phát	TMD	0,64	0,64	CLN	An Thạnh	
15	Xây dựng nhà kho cho thuê của Công ty TNHH MTV Nam Hồng	TMD	1,30	1,30	CLN	Thuận Giao	
16	Khu chung cư cao tầng Thuận Giao do Công ty Bất động sản U&I làm chủ đầu tư	ODT	1,38	1,37	HNK	Thuận Giao	
17	Dự án Autohaus do Công ty Big Lotus Limited làm chủ đầu tư	TMDV	1,10	1,10	ODT	Bình Hòa	Lô 1-AM 5255, lô 2 AM 565256
18	Khu nhà ở U&I An Phú do Công ty U&I làm chủ đầu tư	ODT	2,50	2,50	CLN	An Phú	
19	Khu dịch vụ thương mại và căn hộ cao tầng Stown Gateway do công ty cổ phần STC Corporation làm chủ đầu tư	ODT	0,86	0,86	CLN	Vĩnh Phú	
20	Khu căn hộ Đạt Phước do công ty cổ phần đầu tư Đạt Phước làm chủ đầu tư	ODT	1,20	1,20	SKC	An Thạnh	
21	Trung tâm thương mại kết hợp căn hộ chung cư Bình Dương Tower	ODT	0,45	0,45	CLN	Vĩnh Phú	Tờ bản đồ số DC 46,47,48,49,71,72,73



22	Khu căn hộ Đạt Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Đạt Phước làm chủ đầu tư	ODT	1,20		1,20	SKC	Vĩnh Phú	Thửa đất số 376, tờ bản đồ số DC 5.5
23	Khu nhà ở cao cấp Đỗ Gia do Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Ngọc Điện làm chủ đầu tư	ODT	2,35		2,35	SKC	Lái Thiêu	thửa 515,516,517,518,385,519 514,512 tờ bản đồ số 19(3)
24	Chung cư Bình Dương Tower do công ty TNHH MTV Bất động sản và phát triển cao ốc Bình Dương làm chủ đầu tư	ODT	0,42		0,42	CLN	An Thạnh	thửa 40,789,1291 tờ bản đồ số 5
25	Khu chung cư Phú Hồng Thịnh do công ty cổ phần Phú Gia Khiêm Land làm chủ đầu tư	QDT	0,68		0,68	CLN	Bình Chuẩn	Một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số DC 44
26	Khu nhà ở Thuận Giao do Công ty TNHH xây dựng bất động sản Hưng Phát làm chủ đầu tư	ODT	1,80		1,80	CLN	An Phú	Thửa đất số 124, tờ bản đồ số DC 07
27	Khu nhà ở Thương mại Dịch vụ cao tầng Lê Phong do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lê Phong làm chủ đầu tư	ODT	0,86		0,86		Lái Thiêu	Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 302
28	Khu căn hộ - thương mại dịch vụ cao tầng đường Nguyễn Văn Tiết do Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh bất động sản Hà An làm chủ đầu tư	ODT	1,02		1,02		Lái Thiêu	Một phần thửa đất số 210, tờ bản đồ 112
29	Khu nhà ở Phước Điện Bình Chuẩn do Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Phước Điện làm chủ đầu tư	ODT	0,81		0,81		Bình Chuẩn	Thửa đất số 561, 1979, 224 và một phần thửa 330, tờ bản đồ 910; một phần thửa 334 tờ bản đồ số C3
30	Khu nhà ở Trường An do Công ty TNHH Đầu tư Phát triển địa ốc Trường An làm chủ đầu tư	ODT	0,84		0,84		Bình Chuẩn	Thửa đất số 233, tờ bản đồ số 51
31	Chung cư Bình Dương ToWer do Công ty TNHH MTV Bất động sản đầu tư và phát triển cao ốc Bình Dương làm chủ đầu tư	ODT	4,60		4,60	CLN	Bình Chuẩn	Thửa đất số 977, 975, 444, 445, 258, 184, 185, 186, 187, 188, 257, 463, 464, 189, 177, 190, 179, 191, 192, tờ bản đồ số DC8-3, C2
32	Khu nhà ở Phước Điện Bình Chuẩn do Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Phước Điện làm chủ đầu tư	ODT	0,80		0,80	CLN	Bình Chuẩn	Thửa đất số 561, 1979, 224 và một phần thửa 330, tờ bản đồ 910; một phần thửa 334 tờ bản đồ số C3
33	Khu nhà ở Tecco City do Công ty TNHH Song Hỷ Quốc Tế làm chủ đầu tư	ODT	1,74		1,74	CLN, SKC	Lái Thiêu	Tờ bản đồ số 564
<b>II Các công trình, dự án đăng ký mới trong KH2020</b>								
1	Khu nhà ở Trường An Land do công ty TNHH Đầu tư phát triển Địa ốc Trường An làm chủ đầu tư	ODT	0,84		0,84	HNK, ODT	Thuận Giao	Tờ bản đồ số DC 150
2	Trung tâm thương mại kết hợp căn hộ chung cư Tecco Home do Tổng Công ty Tecco miền nam làm chủ đầu tư	ODT	0,50		0,50	CLN	Bình Hòa	Khu phức hợp Vsip
3	Khu nhà ở thương mại Lê Phong An do Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Lê Phong làm chủ đầu tư	ODT	0,95		0,95	CLN	Thuận Giao	
4	Chung cư Thuận Giao do Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Thuận Lợi làm chủ đầu tư	ODT	1,00		1,00	CLN	Bình Hòa	Thửa 340, 341,338 tờ DC10
5	Địa điểm thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH Thương mại Cổ phần Ngọc Minh Anh	TMDV	3,30		3,30	SKC	Bình Chuẩn	Thửa đất số 740, tờ bản đồ số DC 234
6	Công ty TNHH Scansaviet (Căn cứ để đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất)	ODT	0,50		0,50	CLN	An Phú	Thửa đất số 711, tờ bản đồ số DC10.2
<b>III Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân</b>								
<i>a Chuyển đổi nông nghiệp thành đất ở</i>								
1	An Phú	ODT	4,00		4,00	HNK, CLN		
2	An Thạnh	ODT	4,00		4,00	HNK, CLN		
3	Bình Chuẩn	ODT	6,00		6,00	HNK, CLN		
4	Bình Hòa	ODT	3,00		3,00	HNK, CLN		



5	Bình Nhâm	ODT	3,50		3,50	HNK, CLN		
6	Hưng Định	ODT	2,50		2,50	HNK, CLN		
7	Lái Thiêu	ODT	3,50		3,50	HNK, CLN		
8	Thuận Giao	ODT	4,00		4,00	HNK, CLN		
9	Vĩnh Phú	ODT	3,50		3,50	HNK, CLN		
10	An Sơn	ODT	4,00		4,00	HNK, CLN		
b	<i>Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ</i>				1,50			
1	An Phú	TMD	0,10		0,10	HNK, CLN, ODT		
2	An Thạnh	TMD	0,40		0,40	HNK, CLN, ODT		
3	Bình Chuẩn	TMD	0,20		0,20	HNK, CLN, ODT		
4	Bình Hòa	TMD	0,20		0,20	HNK, CLN, ODT		
5	Thuận Giao	TMD	0,30		0,30	HNK, CLN, ODT		
6	Vĩnh Phú	TMD	0,10		0,10	HNK, CLN, ODT		
7	Lái Thiêu	TMD	0,20		0,20	HNK, CLN, ODT		